

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ QUAO  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/DS-ST

Ngày: 17-8-2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hoài Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Liềm;

2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:* Bà Thị Xà Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP B.

Người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Tầng 1,3,4,5,6 Tòa nhà Thaihodings Tower, số 210, đường Trần Quang Kh, phường Tr, Quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Doãn S là ông Lê Thế A - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B phòng giao dịch - Chi nhánh H (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 16-18, đường 30 tháng 4, khu vực 2, phường Th, thị xã L, tỉnh H.

*2. Bị đơn:* Bà Bùi Thị Ánh T - sinh năm 1977 và ông Huỳnh Thanh H - sinh năm 1971 (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện G, tỉnh K.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần B và***

**người đại diện theo ủy quyền lại ông Lê Thế A trình bày:** Vào ngày 02/8/2013 ông Huỳnh Thanh H, bà Bùi Thị Ánh T có đến Ngân hàng TMCP B phòng giao dịch L - Chi nhánh H vay số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 1207099O0013TD1 ký ngày 02/8/2013; Mục đích vay: Trồng lúa, nuôi heo; Thời hạn vay 11 tháng, ngày đến hạn là 01/7/2014; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 14,50% năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức điều chỉnh lãi suất: Thả nổi và tự điều chỉnh định kỳ theo quy định của Ngân hàng TMCP B. Hình thức thanh toán: Kỳ hạn trả lãi trả vào ngày 25/01/2014 và ngày 01/7/2014 và vốn vay được trả vào ngày 01/7/2014. Trong quá trình vay phía bị đơn là ông H, bà T đã thanh toán được số tiền gốc 643.628 đồng và không đóng lãi thì ngưng đến nay mà ông H, bà T không trả nợ cho Ngân hàng nên hồ sơ vay đã quá hạn. Hơn nữa, khi ông H, bà T để hồ sơ quá hạn mà không trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu ông bà trả nợ nhiều lần nhưng không thực hiện để kéo dài đến nay.

Đồng thời, Ngân hàng và ông H, bà T có thỏa thuận là Ngân hàng có giữ hộ tài sản ông bà 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 834682, tờ bản đồ số 12-1 và 12-2, thửa số 106, 108, 115 và 116, tổng diện tích là 26.470m<sup>2</sup>, được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 21/9/2001, tọa lạc tại ấp L, xã V, huyện G, tỉnh K do ông Bùi Như D đứng tên trên giấy.

Nguyên vọng: Ngân hàng TMCP B phòng giao dịch L- Chi nhánh H yêu cầu ông Huỳnh Thanh H, bà Bùi Thị Ánh T phải thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 17/8/2021 là 120.481.881 đồng (Trong đó: vốn gốc là 49.356.372 đồng và lãi quá hạn là 71.125.509 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay. Trường hợp phía ông H, bà T không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản hợp pháp của ông H, bà T để đảm bảo việc thu hồi nợ.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Thanh H, bà Bùi Thị Ánh T không có mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến nay ông H, bà T không có mặt ở địa phương, được chính quyền địa phương xác nhận ông bà bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo qui định tại Điều 179, 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông H, bà T vẫn không có mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông bà trong vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định còn bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Huỳnh Thanh H và bà Bùi Thị Ánh T phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc và lãi tính đến ngày 17/8/2021 là 120.481.881 đồng (Trong đó:

vốn gốc là 49.356.372 đồng và lãi quá hạn là 71.125.509 đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1207099O0013TD1 ký ngày 02/8/2013 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp, ông Huỳnh Thanh H và bà Bùi Thị Ánh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản hợp pháp của ông H, bà T để thu hồi nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B với ông Huỳnh Thanh H và bà Bùi Thị Ánh T là tranh chấp về dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Thế A và bị đơn ông Huỳnh Thanh H, bà Bùi Thị Ánh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông Lê Thế A có đơn xin xét xử vắng mặt còn ông H, bà T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông bà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng đến ngày xét xử là ngày 17/8/2021 thì ông Huỳnh Thanh H, bà Bùi Thị Ánh T còn nợ tiền lãi là 120.481.881 đồng. Việc tính lãi của Ngân hàng là đúng thỏa thuận trong hợp đồng vay và phù hợp với qui định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc ông Huỳnh Thanh H, bà Bùi Thị Ánh T phải trả cho Ngân hàng tổng vốn gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 17/8/2021 là 120.481.881 đ (một trăm hai mươi triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn tám trăm tám mươi mốt đồng).

[3] Xét về hợp đồng tín dụng số 1207099O0013TD1 ký ngày 02/8/2013 giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng ông Huỳnh Thanh H, bà Bùi Thị Ánh T không thực hiện đúng cam kết nên hợp đồng vay cho đến nay bên vay là ông H và bà T đã vi phạm về thời

hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông H và bà T phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng là phù hợp.

[4] Do hợp đồng tín dụng số 1207099O0013TD1 ký ngày 02/8/2013 là hợp đồng tín chấp nhưng ông H, bà T có giao cho Ngân hàng giữ hộ tài sản là 01 giấy CNQSD đất R 834682, tờ bản đồ số 12-1 và 12-2, thửa số 106, 108, 115 và 116, tổng diện tích là 26.470m<sup>2</sup>, được UBND huyện G cấp ngày 21/9/2001, tọa lạc tại ấp L, xã V, huyện G, tỉnh K do ông Bùi Như D đứng tên trên giấy. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần B yêu cầu xử lý tài sản hợp pháp của ông H, bà T để đảm bảo việc thu hồi nợ là có căn cứ và đúng theo quy tại khoản 7 Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng. Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần B yêu cầu ông H và bà T tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết và phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016Al của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với ông Huỳnh Thanh H, bà Bùi Thị Ánh T, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nhà ông H và bà T tổng đạt các văn bản đúng theo qui định của pháp luật và thông báo cho ông, bà trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi ông, bà có hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng ông H và bà T không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của ông, bà. Từ đó, cho thấy ông H và bà T đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt ông Huỳnh Thanh H, bà Bùi Thị Ánh T theo qui định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa sau khi nghe yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần B và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Huỳnh Thanh H, bà Bùi Thị Ánh T phải trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông H, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản hợp pháp của ông H, bà T để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích đánh giá trên cùng với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với ông Huỳnh Thanh H, bà Bùi Thị Ánh T. Buộc ông Huỳnh Thanh H, bà Bùi Thị Ánh T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 120.481.881 đ (một trăm hai mươi triệu bốn trăm tám mươi một nghìn tám trăm tám mươi một đồng).

[7] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà Ngân hàng TMCP B đã nộp là 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006513 ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ông Huỳnh Thanh H, bà Bùi Thị Ánh T phải nộp án phí là: 120.481.881 đồng x 5% = 6.024.094,05 đồng làm tròn là 6.024.000đ (sáu triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 11, 323, 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với ông Huỳnh Thanh H, bà Bùi Thị Ánh T.

Buộc bà ông Huỳnh Thanh H, bà Bùi Thị Ánh T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền là 120.481.881đ (một trăm hai mươi triệu bốn trăm tám mươi một nghìn tám trăm tám mươi một đồng)\_(Trong đó: vốn gốc là 49.356.372 đồng và lãi quá hạn là 71.125.509 đồng).

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Huỳnh Thanh H và bà Bùi Thị Ánh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1207099O0013TD1 ký ngày 02/8/2013 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số 1207099O0013TD1 ký ngày 02/8/2013, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Huỳnh Thanh H và bà Bùi Thị Ánh T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

Trường hợp ông Huỳnh Thanh H và bà Bùi Thị Ánh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần B thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xử lý tài sản hợp pháp của ông H, bà T để đảm bảo việc thu hồi nợ.

Khi ông Huỳnh Thanh H và bà Bùi Thị Ánh T trả hết số nợ đã vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng thương mại cổ phần B thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có nghĩa vụ trả lại 01 giấy CNQSD đất số R 834682, tờ bản đồ số 12-1 và 12-2, thửa số 106, 108, 115 và 116, tổng diện tích là 26.470m<sup>2</sup>, được UBND huyện G cấp ngày 21/9/2001, tọa lạc tại ấp L, xã V, huyện G, tỉnh K cho ông Huỳnh Thanh H và bà Bùi Thị Ánh T.

2. Án phí DSST là: 6.024.000đ (sáu triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng) buộc ông Huỳnh Thanh H và bà Bùi Thị Ánh T phải nộp.

Ngân hàng TMCP B được nhận lại số tiền là 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006513 ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 17/8/2021.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hoài Thanh**